

Phường Lê Chân, ngày 06 tháng 8 năm 2025

BIÊN BẢN

Về việc công khai các biểu mẫu công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT
Năm học 2024 - 2025

I. Thời gian: 14 giờ 30 phút ngày 06 tháng 8 năm 2025

II. Địa điểm: Phòng Hội đồng trường THCS Tô Hiệu

III. Thành phần:

1. Bà Phạm Thị Thanh Phương - Phó Hiệu trưởng phụ trách
2. Bà Vũ Thị Thúy - Phó Hiệu trưởng
3. Bà Trần Thị Thu Hương - Trưởng ban thanh tra nhân dân
4. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư kí Hội đồng
5. Bà Đào Thị Thu Huyền - Kế toán
6. Bà Đỗ Thị Hiền - Thủ quỹ
7. Bà Phạm Hương Giang - Văn thư.

IV. Nội dung:

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Các đồng chí đại diện tham dự tiến hành ghi nhận và lập biên bản niêm yết công khai Báo cáo thường niên năm học 2024-2025 (Có phụ lục kèm theo).

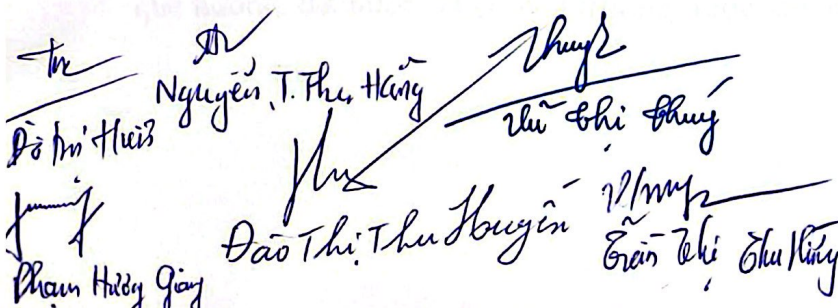
- + Thông báo công khai thông tin chung về cơ sở giáo dục;
- + Thông báo công khai tình hình đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên;
- + Thông báo công khai thông tin cơ sở vật chất;
- + Thông báo công khai kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục;
- + Thông báo công khai kết quả hoạt động giáo dục;
- + Thông báo công khai kết quả tài chính;
- + Thông báo công khai kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác.

Thời gian niêm yết 90 ngày: Từ ngày 06 tháng 8 năm 2025 đến hết ngày 06 tháng 11 năm 2025. Địa điểm niêm yết: Bảng tin của Nhà trường.

Thời gian niêm yết 5 năm: Từ ngày 06 tháng 8 năm 2025 đến hết ngày 06 tháng 8 năm 2030. Địa điểm niêm yết: Trên các trang thông tin điện tử.

Biên bản được lập xong vào lúc 15 giờ 30 phút cùng ngày, đã đọc cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất ký tên dưới đây.

CÁC THÀNH VIÊN


Đỗ Thị Hiền
Phạm Hương Giang
Nguyễn Thị Thu Hằng
Đào Thị Thu Huyền
Vũ Thị Thúy
Trần Thị Thu Hương
Đỗ Thị Hiền
Phạm Hương Giang

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PHỤ TRÁCH
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
TÔ HIỆU

Phạm Thị Thanh Phương

Phụ lục I
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC
HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TÔ HIỆU

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM HỌC 2024-2025
(Thời điểm báo cáo ngày 30 tháng 6 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục:** Trường THCS Tô Hiệu
- Địa chỉ:** số 347 Tô Hiệu - Hồ Nam - Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: www.c2tohieuhp.edu.vn.
- Loại hình:** Công lập
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu:**
 - **Sứ mệnh:** Tạo dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, kỷ cương, chăm sóc để phát huy phẩm chất riêng biệt, biết sáng tạo, có năng lực tư duy cho mỗi học sinh.
 - **Tầm nhìn:** Trường THCS Tô Hiệu là một trường chuẩn mực và năng động, nơi học sinh và giáo viên luôn có khát vọng học tập suốt đời, biết tư duy độc lập và sáng tạo để nâng cao lợi ích bản thân, góp phần xây dựng quê hương giàu đẹp.
 - **Mục tiêu:** Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.
- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:**

Trường THCS Tô Hiệu được thành lập từ năm 1990 theo Quyết định số 94/QĐ ngày 09/8/1990 của Chủ tịch UBND quận Lê Chân, trường đã đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ III (cấp độ cao nhất) năm 2013 và đã được Chủ tịch UBND thành phố công nhận.

Trải qua hơn 35 năm xây dựng và phát triển, các thế hệ thầy và trò trường THCS Tô Hiệu đã lập nhiều thành tích xuất sắc, đóng góp công sức, trí tuệ vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo của quận Lê Chân và thành phố Hải Phòng, góp phần vào công cuộc đổi mới quê hương, đất nước. Hiện nay trường được xây dựng khang trang, gồm khu A, khu B



2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

DANH MỤC LỰA CHỌN SÁCH GIÁO KHOA LỚP 6,7,8,9 NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Nhà xuất bản	Tên bộ sách	2025-2026
1	TOÁN	Cánh diều	Đỗ Đức Thái	Đại học Sư phạm	Cánh diều	0
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	1
		Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng, Bùi Văn Nghị	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	0
2	NGỮ VĂN	Cánh diều	Nguyễn Minh Thuyết	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh diều	0
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	1
		Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Hồng Nam	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	0
3	TIẾNG ANH ENGLISH DISCOVERY		Trần Thị Lan Anh	Đại học Sư phạm		0
	TIẾNG ANH TẬP 1,2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	1
	TIẾNG ANH FRIENDS PLUS	Chân trời sáng tạo	Trần Cao Bội Ngọc	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	0
	TIẾNG ANH BLOGGERS-SMART		Lê Hoàng Dũng	Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh		0
	TIẾNG ANH MACMILLAN MOTIVATE!		Hoàng Tăng Đức	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh		0
	TIẾNG ANH EXPLORE ENGLISH	Cánh diều	Nguyễn Thanh Bình	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh diều	0
	TIẾNG ANH I-LEARN SMART WORLD		Võ Đại Phúc	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh		0
	TIẾNG ANH RIGHT-ON!		Võ Đại Phúc	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh		0
4	GIÁO DỤC CÔNG DÂN	Chân trời sáng tạo	Đinh Phương Duy	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	0



và khu C, và một số phòng chức năng: phòng tin học, phòng thực hành Hóa, thực hành Sinh... có 01 nhà xe giáo viên, 01 nhà xe học sinh; có công trình vệ sinh giáo viên và học sinh đảm bảo theo yêu cầu; trường có sử dụng hệ thống nước sạch.

Tổng số học sinh toàn trường là 2353 gồm 46 lớp: Khối 6 là: 611 học sinh; Khối 7 là: 687 học sinh; Khối 8: 596 học sinh; Khối 9 là: 459.

6. Thông tin người đại diện pháp luật: Phạm Thị Thanh Phương - Phó Hiệu trưởng phụ trách, SĐT: 0931956827.

7. Tổ chức bộ máy: Trường THCS Tô Hiệu được chia làm 03 tổ gồm: Tổ Văn phòng, tổ KHTN, tổ KHXH gồm 95 cán bộ, giáo viên, nhân viên

8. Các văn bản khác: Chiến lược phát triển nhà trường.

II. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	90	1	21	66		2	
I	Giáo viên	81						
	Trong đó giáo viên dạy môn							
1	Toán	20		7	13			
2	Vật lý	4		2	2			
3	Hóa học	3			3			
4	Sinh học	4			4			
5	Ngữ văn	21		7	14			
6	Lịch sử	3		1	2			
7	Địa lý	2			2			
8	Tiếng Anh	10			10			
9	Công nghệ	3			3			
10	GDCD	2		2				
11	Thể dục	4			4			
12	Tin học	1			1			
13	Âm nhạc	2			2			
14	Mĩ thuật	1			1			
15	KHTN							
16	LS&DL							
17	GD&P							
18	HĐTN							
19	TPT	1			1			

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC
II	Cán bộ quản lý	3						
1	Hiệu trưởng	1		1				
2	Phó Hiệu trưởng	2	1	1				
III	Nhân viên	6						
1	Nhân viên văn thư	1			1			
2	Nhân viên kế toán	1					1	
3	Thủ quỹ	0						
4	Nhân viên y tế	1					1	
5	Nhân viên thư viện	1			1			
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	2			2			
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật							
8	Nhân viên công nghệ thông tin							

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp:

TT	Nội dung	Tổng số	Chuẩn nghề nghiệp				
			Tốt	Tỷ lệ (%)	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên						
I	Giáo viên			100	0	0	0
	Trong đó giáo viên dạy môn						
1	Toán	20	20				
2	Vật lý	4	4				
3	Hóa học	3	3				
4	Sinh học	4	4				
5	Ngữ văn	21	21				
6	Lịch sử	3	3				
7	Địa lý	2	2				
8	Tiếng Anh	10	10				
9	Công nghệ	3	3				
10	GDCD	2	2				
11	Thể dục	4	4				
12	Tin học	1	1				
13	Âm nhạc	2	2				
14	Mĩ thuật	1	1				
15	KHTN						
16	LS&DL						
17	GDĐP						

TT	Nội dung	Tổng số	Chuẩn nghề nghiệp				
			Tốt	Tỷ lệ (%)	Khá	Đạt	Chưa đạt
18	HĐTN						
19	TPT	1	1				
II	Cán bộ quản lý	3	3	100			
1	Hiệu trưởng	1	1				
2	Phó Hiệu trưởng	2	2				

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
1	27/6 - 01/7/2024	CBQL, GV	82	Tập huấn giáo viên giảng dạy SGK 9 theo chương trình GDPT 2018	Trực tuyến	
2	07/11/2024	CBQL + GV phụ trách	2	Sử dụng hệ thống LMS trong công tác bồi dưỡng đại trà chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho CBQL, GV	Trực tuyến trên LMS	
3	09/12/2024	CBQL + GV phụ trách	2	Sử dụng chữ ký số trên Hệ thống quản lý Hồ sơ điện tử ngành Giáo dục và đào tạo	Trực tiếp	
4	Tháng 4/2025	CBQL	1	Nghiên cứu Chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh	Trực tiếp	
5	Tháng 4/2025	CBQL, GV phụ trách	2	Tập huấn phân mềm tuyển sinh vào lớp 10 THPT	Trực tiếp	
6	Tháng 4/2025	CBQL	2	Luật bảo vệ bí mật Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành	Trực tiếp	

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
7	Tháng 4/2025	CBQL	1	Quản triệt, triển khai các quy định của Đảng về kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực	Trực tiếp	
8	Tháng 4/2025	CBQL	1	Bồi dưỡng GD STEM và các kỹ năng giáo dục tương lai	Trực tiếp	
9	Tháng 4/2025	CBQL + GV phụ trách	2	Công tác bảo đảm an ninh, an toàn trường học năm 2024	Trực tiếp	
10	Tháng 4/2025	TPT, HS	16	Tập huấn kỹ năng phòng chống, xâm hại trẻ em và phòng chống tác hại ma túy	Trực tiếp	
11	Tháng 05/2025	Thành viên ban tuyển sinh	2	Công tác tuyển sinh đầu cấp năm học 2025 - 2026	Trực tiếp	
12	01/6/2025	CBQL, GV coi thi	20	Tập huấn quy chế coi thi vào lớp 10 THPT	Trực tiếp	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, số lượng, hạng mục khối phòng hành chính, khối phòng học tập; số thiết bị dạy học:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/ số lớp	29/44	Số m ² / học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	29	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	06	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Ti vi	22	0,48
2	Cát xét	5	0,11
3	Đầu Video/ đầu đĩa	1	0,02
4	Máy chiếu OverHead/ projector/ vật thể	5	0,11
5	Thiết bị khác ...		
6	...		
	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/ lớp
1	Ti vi	25	0,54
2	Cát xét	5	0,11
3	Đầu Video/ đầu đĩa	1	0,02
4	Máy chiếu OverHead/ projector/ vật thể	8	0,17
5	Thiết bị khác ...		
6	...		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	20
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/ chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khú nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	01	30	01	30	01	50	01	50
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		0		0		0		0

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối Internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Trường: Trung học cơ sở Tô Hiệu

Mẫu biểu số: 48

Chương: 622 - 073

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Đơn vị: Trường THCS Tô Hiệu

Mã số: 1025354

Mã KBNN: 0064

Kèm theo QĐ số 3868/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận Lê Chân

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Phí:	
	Học phí cấp về	1.921.604
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại:	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục	
	100% chi lương cải cách tiền lương	1.921.604
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	17.735.204
	- Tiết kiệm chi 10%	180.587
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.358.133

V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi phụ đạo học sinh yếu kém

a. Công tác phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi

Thực hiện Công văn số 2600/SGDĐT- KTKĐ ngày 27/8/2024 của Sở GD&ĐT Hải Phòng về việc tổ chức các kỳ thi cho HS năm học 2024-2025.

Công tác bồi dưỡng đội tuyển HSG hàng năm được nhà trường đặc biệt quan tâm. Việc tổ chức bồi dưỡng đội tuyển HSG được BGH nhà trường lên kế hoạch phân công cụ thể và tiến hành triển khai nghiêm túc theo kế hoạch. GV được phân công dạy là những giáo viên có năng lực, có kinh nghiệm và tâm huyết. Phân công giáo viên có năng lực

Kết quả HSG các cấp:

CẤP TRƯỞNG: 443 giải (31 Nhất, 68 Nhì, 112 Ba và 232 KK).

CẤP QUẬN: 113 giải (14 Nhất, 31 Nhì, 34 Ba và 34 KK).

CẤP THÀNH PHỐ: 46 giải (10 Nhất, 12 Nhì, 18 Ba và 6 KK).

CẤP QUỐC GIA:

- TDTT: 02 huy chương vàng giải cầu lông, 02 huy chương đồng giải Bơi, 01 Võ cổ truyền HKPD toàn quốc.
- Giải ATGT cho nụ cười ngày mai: 01 giải Ba cấp quốc gia
- Kỳ thi Thách thức tư duy thuật toán Babras, Toán Titan, Toán Timo, Toán KIMO: 45 giải (10 xuất sắc, 35 Giải)
- 27 học sinh đạt giải trong cuộc thi Olympic Hóa học và KHTN.

b. Phụ đạo học sinh yếu kém

- Công tác phụ đạo, giúp đỡ học sinh yếu luôn được quan tâm đúng mức, được triển khai thực hiện bắt đầu từ đầu năm học 3 môn Toán, Văn, Anh cho 4 khối lớp. Chất lượng học sinh đại trà duy trì ổn định. Nâng cao chất lượng dạy học, học thật, chất lượng thật được đánh giá qua kỳ khảo sát chất lượng cuối năm.

c. Công tác triển khai thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM

Việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

- Triển khai Công văn của Sở GD&ĐT Hải Phòng về việc Hướng dẫn thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM trong nhà trường phổ thông năm học 2024-2025.
- Thực hiện sự chỉ đạo của Phòng GD&ĐT quận Lê Chân, nhà trường đã tập huấn về chuyên môn cho tất cả các giáo viên ngay từ đầu năm. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Giúp HS tự tìm tòi phát hiện và tìm ra kiến thức cần nắm vững, tích cực sử dụng thiết bị dạy học, phiếu học tập... góp phần đem lại hiệu quả dạy học.
- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng ngân hàng đề kiểm tra giữa kì, cuối kì theo ma trận và viết câu hỏi phục vụ ma trận đề. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu nhận biết, thông hiểu, vận dụng. Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh, giáo viên và nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

**DANH SÁCH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ-CP
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025**

Theo QĐ 2334/QĐ_UBND ngày 16/10/2023 của UBND quận Lê Chân

Đơn vị: nghìn đồng

Stt	Họ và tên	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ 1 tháng	Trẻ em MG, học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ	Trẻ em MG, học sinh tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế (hộ cận nghèo)	Trẻ em MG, học sinh có cha mẹ thuộ c diện hộ nghề o	Tổng cộng	Thành tiền	Ký nhận
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	$6=3+4+5$	$7=6*1*2$	
1	Đào Dương Dương 6A2	4	150	1				600	
2	Trần Kim Bảo 6A5	4	150			1		600	
3	Hà Thanh Tâm 6A7	4	150	1				600	
4	Phạm Thành Phong 6A11	4	150		1			600	
5	Nguyễn Thị My 7B2	4	150	1				600	
6	Nguyễn Xuân Phúc 7B5	4	150	1				600	
7	Đinh Phương Anh 7B13	4	150	1				600	
8	Phan Ngọc Diệp	4	150	1				600	
9	Nguyễn Xuân Tiến Dũng 9D6	4	150		1			600	
10	Trần Mạnh Dũng 9D6	4	150		1			600	
11	Vũ Quang Dũng 9D6	4	150		1			600	
Tổng				6	4	1		6.600	

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn./.

TT	Họ và tên	Mức học phí	Số th án g cá p bù	Kinh phí hỗ trợ thực tế											Tổng kinh phí	
				Miễn						Giảm 50%						
				Ngư ời có công	Trẻ em MG, học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng (Khoản 1- Điều 5 Nghị định 136/2013/ ND-CP)	Trẻ em mẫu giáo, học sinh có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo		Tổn g cộng	Thàn h tiền	M ức giã m học ph í	Cha mẹ là cán bộ, công nhân, viên chức bị tại nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp hưởng trợ cấp thường xuyên	Cha mẹ thuộ c diện hộ cận ngh èo	Tổng cộng	Thàn h tiền		
A	B	1	2	3	5	6	7	8=3+ ...+7	9=1*2 *8	10= 1/2	11	12	13=11+ 12	14=2*1 0*13	15=9+ 14	
1	Đào Dương Dương 6A2	92												1		368
2	Trần Kim Bảo 6A5	92												1		368
3	Hà Thanh Tâm 6A7	92												1		368
4	Phạm Thành Phong 6A11	92												1		368
5	Nguyễn Thị My 7B2	92												1		368
6	Nguyễn Xuân Phúc 7B5	92												1		368
7	Đinh Phương Anh 7B13	92												1		368
8	Phan Ngọc Diệp	92												1		368
9	Nguyễn Xuân Tiến Dũng 9D6	92												1		368
10	Trần Mạnh Dũng 9D6	92												1		368
11	Vũ Quang Dũng 9D6	92												1		368
	TỔNG CỘNG (A+B)			2	2	0	0	4	840	1 0	0	0	0	1	0	4.04 8

Số tiền bằng chữ: Bốn triệu không bốn mươi tám tám nghìn đồng chẵn./.

	Số học sinh em :	2.177	
	Mức thu	884.520	
	Tổng thu:	1.925.600.040	
	Đã chi	1.925.600.040	
	Dư	0	
4	Đoàn đội		
	Số học sinh		
	Mức thu		
	Số dư năm trước		
	Tổng thu	130.155.000	
	Đã chi	101.368.000	
	Dư	28.787.000	
5	PHHS		
	Số học sinh		
	Mức thu		
	Số dư năm trước		
	Tổng thu		
	Đã chi		
	Dư		
II	Ngân sách nhà nước		
1.1	Ngân sách chi thường xuyên	17.735.204.000	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	0	
	- Dự toán được giao trong năm	17.735.204.000	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm		
	+ Dự toán bổ sung trong năm		
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm	17.735.204.000	
	- Kinh phí quyết toán		
	- Trong đó ngân sách dùng để chi lương , phụ cấp , các khoản đóng góp theo lương	15.135.204.000	
	- Chi điện nước, thuê lao công bảo vệ, sửa chữa nhỏ, thuê mướn, khác,.....	2.600.000.000	
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	0	
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên	3.358.133.000	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		
	Dự toán được giao trong năm	3.358.133.000	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	3.358.133.000	
	+ Dự toán bổ sung trong năm		
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm	3.358.133.000	
	- Kinh phí quyết toán	3.358.133.000	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng		

IV. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

c. Công khai quyết toán ngân sách và các khoản thu năm 2024

I. Báo cáo quyết toán kinh phí năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
A	CÁC KHOẢN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ		
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Học phí (nếu có)		
	Số dư năm trước chuyển sau	617.384.126	
	Mức thu		
	Tổng số thu trong năm		
	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	2.238.988.126	
	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾		
	Số chi trong năm	1.872.076.072	
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	1.872.076.072	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn		
	- Chi khác		
	Số dư cuối năm	666.912.054	
	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT)		
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có) (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
			
	Số dư năm trước chuyển sang	92.304.995	
	Mức thu 12.000.000đ		
	Tổng số thu trong năm	3.536.352.000	
	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	3.627.967.437	
	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾		
	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	2.539.577.205	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	418.271.680	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	212.181.120	
	- Chi phúc lợi	268.047.873	
	- Chi khác:	189.200.000	
	Số dư cuối năm	689.558	
3	BHYT		

¹ Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước

Tiêu chí 1.2			X		
Tiêu chí 1.3			X		
Tiêu chí 1.4			X		
Tiêu chí 1.5			X		
Tiêu chí 1.6			X		
Tiêu chí 1.7			X		
Tiêu chí 1.8			X		
Tiêu chí 1.9			X		
Tiêu chí 1.10			X		
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh					
Tiêu chí 2.1			X		
Tiêu chí 2.2			X		
Tiêu chí 2.3			X		
Tiêu chí 2.4			X		
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học					
Tiêu chí 3.1			X		
Tiêu chí 3.2			X		
Tiêu chí 3.3			X		Nhà xe, nhà kho xuống cấp. Thiếu trang thiết bị khởi hành chính – quản trị.
Tiêu chí 3.4			X		Khu vệ sinh đã xuống cấp
Tiêu chí 3.5			X		Hệ thống máy tính còn thiếu và xuống cấp Còn thiếu thiết bị dạy học bộ môn

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Nhà xuất bản	Tên bộ sách	2025-2026
		Cánh điều	Trần Văn Thắng	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều	0
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	1
5	KHOA HỌC TỰ NHIÊN	Cánh điều	Mai Sỹ Tuấn	Đại học Sư phạm	Cánh điều	0
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	1
		Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	0
6	LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ	Cánh điều	Đỗ Thanh Bình	Đại học Sư phạm	Cánh điều	0
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	1
		Chân trời sáng tạo	Nguyễn Kim Hồng	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	0
7	TIN HỌC	Cánh điều	Hồ Sĩ Đàm	Đại học Sư phạm	Cánh điều	0
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	1
8	CÔNG NGHỆ	Cánh điều	Nguyễn Tất Thắng	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều	0
		Chân trời sáng tạo	Bùi Văn Hồng	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	0
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	1
9	ÂM NHẠC	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	1
		Chân trời sáng tạo	Hồ Ngọc Khải, Nguyễn Thị Tô Mai	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	0
		Cánh điều	Đỗ Thanh Hiên	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều	0
10	MĨ THUẬT	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	0

TT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	số)					
4	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	42	4	13	20	5
5	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	33	0	14	15	4
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp quận					
2	Cấp thành phố					
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét tốt nghiệp	459				459
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	459				459
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	356 77,56%				356 77,56%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	87 18,95%				87 18,95%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	16 3,49%				16 3,49%
VI I	Số học sinh thi đỗ lớp 10 - THPT					
1	Trường công lập (tỷ lệ so với tổng số)	331 72,11%				331 72,11%
2	Trường ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	128 27,89%				128 27,89%
VI II	Số học sinh nam/ số học sinh nữ	1207/1146	318/293	360/327	304/292	225/234
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	16	0	6	4	6

việc tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên và bồi dưỡng nâng cao năng lực và dạy và học Tiếng Anh.

Tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành đầu tư thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đáp ứng yêu cầu trường chuẩn Quốc gia (cấp độ 2) và để đảm bảo đáp ứng dạy và học cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục khác; xây dựng thêm phòng học bộ môn đáp ứng nhu cầu và các điều kiện cho dạy và học, từng bước đầu tư trang thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Thực hiện hiệu quả đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018.

** Nội dung thực hiện những năm tiếp theo*

Tiếp tục quan tâm bồi dưỡng đội ngũ, phát huy vai trò nòng cốt để nhân rộng tấm gương điển hình nhằm phát huy năng lực của người dạy. Tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng chuẩn, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học.

Đảm bảo tốt các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và các chế độ chính sách cho học sinh.

Tiếp tục tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành sớm hoàn thiện thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đảm bảo để duy trì trường chuẩn.

Phát huy tối đa sự tham gia của cộng đồng và cha mẹ học sinh vào tất cả các hoạt động của nhà trường để nâng cao chất lượng. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Tiếp tục triển khai và thực hiện hiệu quả việc rút kinh nghiệm đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018 của lớp 6,7,8 kế thừa những kết quả tốt, rút kinh nghiệm các hạn chế, dần tiếp cận với chương trình lớp 9.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin tuyển sinh:

- Số HS tuyển sinh đầu cấp (lớp 6): 605 HS trong đó 387 HS đúng tuyển, 218 HS trái tuyển.

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2024-2025

TT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I.2	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	2353	611	687	596	459
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	2332 99,11%	603 98,69%	681 99,13%	591 99,16%	457 99,56%

Tiêu chí 3.6	x				Thư viện chưa đạt chuẩn
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội					
Tiêu chí 4.1			x		
Tiêu chí 4.2			x		
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1			x		
Tiêu chí 5.2			x		
Tiêu chí 5.3			x		
Tiêu chí 5.4			x		
Tiêu chí 5.5			x		
Tiêu chí 5.6			x		

** Đánh giá tiêu chí Mức 4*

Tiêu chí	Kết quả		Nội dung đã đạt
	Không đạt	Đạt	
Tiêu chí 1		x	
Tiêu chí 2		x	
Tiêu chí 3		x	
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6		x	Có kết quả giáo dục vượt trội.

Kết luận: Phần đầu đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Mức độ 3.

b. Kế hoạch cải tiến

Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2023-2028 và định hướng đến 2030, các kế hoạch chiến lược hằng năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý hành chính, học chính và tài chính.

Tích cực đổi mới công tác dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao năng lực cá nhân từng học sinh. Đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên, chú trọng

TT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	18 0,76%	6 0,98	5 0,73%	5 0,84%	2 0,44%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	2 0,08%	1 0,16%	1 0,15%		
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,04%	1 0,16%			
II. 2	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	2353	611	687	596	459
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1491 63,37%	402 65,79%	387 56,33%	346 58,05%	356 77,56%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	656 27,88%	152 24,88%	227 33,04%	190 31,88%	87 18,95%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	193 8,2%	52 8,51%	67 9,75%	58 9,73%	16 3,49%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	13 0,55%	5 0,82%	6 0,87%	2 0,34%	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2344 99,62%	607 99,35%	684 99,56%	594 99,66%	459 100%
1.2	Áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021					
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	459 19,51%	109 17,84%	127 18,49%	64 10,74%	159 34,64%
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1031 43,82%	293 47,95%	260 37,85%	281 47,15%	197 42,92%
2	Thi lại/ Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè (tỷ lệ so với tổng số)	12	4	6	2	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1	1			

11/27/2021 10:21:10

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Nhà xuất bản	Tên bộ sách	2025-2026
		Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	1
		Cánh diều	Phạm Văn Tuyên	Đại học Sư phạm	Cánh diều	0
11	GIÁO DỤC THỂ CHẤT	Cánh diều	Lưu Quang Hiệp	Đại học Sư phạm	Cánh diều	1
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Hồ Đắc Sơn, Nguyễn Duy Quyết	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	0
		Chân trời sáng tạo	Trịnh Hữu Lộc	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	0
12	HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP	Chân trời sáng tạo	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên	Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo	0
		Cánh diều	Nguyễn Đức Quang	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh diều	0
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống	1

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

a. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

* Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

* Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường					
Tiêu chí 1.1			x		

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	23	
7	Bình quân lớp/ phòng học	0,66	
8	Bình quân học sinh/ lớp		
III	Số điểm trường		
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	3700	1,62
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2100	0,89
VI	Tổng diện tích các phòng	2300	1,0
1	Diện tích phòng học (m ²)	2200	0,92
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	300	0,13
3	Diện tích thư viện (m ²)	50	0,02
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn đội, phòng truyền thống (m ²)	50	0,02
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (đơn vị tính: bộ)	01	Số bộ/ lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	04	
1.1	Khối lớp 6	01	
1.2	Khối lớp 7	01	
1.3	Khối lớp 8	01	
1.4	Khối lớp 9	01	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	04	
2.1	Khối lớp 6	01	
2.2	Khối lớp 7	01	
2.3	Khối lớp 8	01	
2.4	Khối lớp 9	01	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/ thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	50	Số học sinh/ bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/ lớp

- Sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu nội dung bài giảng, tập trung thảo luận các chuyên đề, nội dung khó của môn học hoặc những phương pháp dạy học, cách thức tổ chức lớp học hiệu quả cho các nội dung đó. Chú trọng công tác sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. tích cực xây dựng các chủ đề dạy học với 56 chủ đề môn học, 20 chủ đề tích hợp, 23 chủ đề liên môn. Tổ chức được 58 chủ đề dạy học cấp trường, chủ đề cấp quận theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

** Công tác giáo dục STEM*

Tích cực triển khai dạy học STEM, STEAM ở những môn học liên quan gắn kết với việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục STEM, tổ chức tập huấn cho giáo viên, đôn đốc, kiểm tra giáo viên trong quá trình thực hiện; tuyên truyền và phối hợp với các cơ quan đoàn thể, các lực lượng xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất về thời gian, kinh phí, cơ sở vật chất... cho giáo viên, học sinh tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; kết nối với các bên liên quan để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, dạy chủ đề tích hợp, dạy chủ đề STEM; STEAM. Thành lập 3 câu lạc bộ STEM để học sinh được tìm tòi, khám phá khoa học, kỹ thuật giải quyết các vấn đề thực tiễn; chú trọng phát hiện các học sinh có năng lực và sở thích thông qua quá trình tổ chức dạy học bài học STEM và các hoạt động trải nghiệm STEM.

Mỗi nhóm chuyên môn của tổ Khoa học tự nhiên thuộc các môn Toán, Lí, Hóa, Sinh, Công nghệ xây dựng ít nhất 03 tiết học/chủ đề dạy học STEM/năm. Tổ chức 10 tiết học (chủ đề) dạy học STEM.

Kết quả đã đạt: Trong năm học qua nhà trường đã chỉ đạo lên lớp 50 tiết dạy học STEM. Đặc biệt xây dựng tham gia có hiệu quả Ngày hội STEM cấp quận, cấp thành phố.

Những tồn tại hạn chế: Còn một số bộ phận GV ngại đổi mới chưa mạnh dạn thực hiện triển khai công tác này.

d. Về việc triển khai, thực hiện cuộc thi Toán và KHTN bằng tiếng Anh, thi KHKT

** Công tác chỉ đạo.*

Thực hiện Công văn của Sở GD&ĐT Hải Phòng về việc hướng dẫn tổ chức cuộc thi Toán và KHTN bằng tiếng Anh, thi KHKT nhà trường đã nghiêm túc triển khai tới GV và HS toàn trường.

- Khuyến khích học sinh nghiên cứu, sáng tạo khoa học, công nghệ, kỹ thuật, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn cuộc sống;

- Góp phần thúc đẩy đổi mới hình thức tổ chức và phương pháp dạy học, đổi mới hình thức và phương pháp đánh giá kết quả học tập, phát triển năng lực học sinh, nâng cao chất lượng dạy học trong các cơ sở giáo dục trung học;

- Tạo cơ hội để học sinh trung học giới thiệu kết quả nghiên cứu, sáng tạo khoa học, kỹ thuật của mình;

Kết quả đã đạt: 19 giải cấp quận, cấp thành phố trong cuộc thi Toán và KHTN bằng tiếng Anh. Trong cuộc thi KHKT dành cho HS trung học, nhà trường đạt 01 giải Nhì và 01 giải Ba cấp Quận; 01 giải Nhì và 01 giải Tư cấp Thành phố. Giải Bạc tại giải đấu Robotics F-EDUTECH 2025.

e. Công tác Giáo dục đạo đức lối sống

** Công tác chỉ đạo*

- Nhà trường triển khai nghiêm túc Công văn về Hướng dẫn triển khai công tác Giáo dục an toàn giao thông cấp THCS.

- Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tham gia giao thông một cách an toàn không để xảy ra tình trạng vi phạm. Công trường không để ùn tắc, bán hàng, tụ tập đông người. Xây dựng Kế hoạch cụ thể trong năm học, ký kết giao ước các đợt cao điểm trong năm.

- Tích cực tuyên truyền nội dung này cho GV và HS. Lồng ghép nội dung đạo đức, lối sống trong các môn học như GDCD, MT, AN, NV có hiệu quả. Tổ chức các chuyên đề HĐGDNGLL, tham gia cuộc thi ANGT vì Nụ cười ngày mai... có 01 HS đạt giải Quốc gia.

** Kết quả đã đạt:* Trong năm học qua không có tình trạng HS bị thương tích vì tai nạn giao thông.

** Những tồn tại hạn chế:* Một số phụ huynh còn chưa ý thức cao trong việc nhắc nhở phối hợp cho HS khi tham gia giao thông, còn để HS đi xe điện tùy tiện.

f. Công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh

** Công tác chỉ đạo*

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 2826/KH-UBND ngày 9/8/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về Ban hành khung Kế hoạch thời gian năm học 2024- 2025; Công văn số 2588/SGDĐT-GDTrH ngày 26/8/2024 của Sở GDĐT Hải Phòng về Hướng dẫn thực hiện công tác hướng nghiệp và phân luồng HS THCS năm học 2024- 2025.

Giáo dục cho HS niềm yêu lao động và ý thức đúng đắn với nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn của địa phương. Đổi mới nội dung và phương thức GD như cho HS tăng cường hoạt động trải nghiệm...Lồng ghép thông qua việc dạy tích hợp với các bài dạy ở tất cả các bộ môn.

** Kết quả đã đạt:* Cơ bản trang bị cho HS những kiến thức kỹ năng lao động cần thiết khi HS hết lớp 9 có thể tham gia lao động sản xuất.

Những tồn tại hạn chế: Việc tuyên truyền nội dung này còn chưa sâu rộng.

e. Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường

** Công tác chỉ đạo*

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và

hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; sử dụng các phần mềm ứng dụng dạy học nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

*** Kết quả đã đạt:** Đảm bảo đủ các loại hồ sơ, đảm bảo tính pháp lý, cập nhật thông tin thường xuyên.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2024-2025 của trường THCS Tô Hiệu, nhà trường công khai đến Lãnh đạo, Cha mẹ học sinh, đội ngũ CBGV-NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2024-2025.

Nơi nhận

- Bảng tin thông báo NT;
- Đăng trên trang web đơn vị;
- Lưu VT.



**PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PHỤ TRÁCH**

Phạm Thị Thanh Phương